

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thu Nguyệt;

Ông Lương Công Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị D, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Tấn Y, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/01/2020 và Đơn xin ly hôn bổ sung, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Tô Thị D trình bày:

Bà và ông Lương Tấn Y tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T (nay là huyện P). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; ông Y thường xuyên uống rượu bia và có hành vi bạo hành, đánh đập bà; cha mẹ hai bên và các con đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông vẫn không thay đổi. Hiện nay bà đang bệnh và thấy sức khỏe không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Có 02 con chung là Lương Thị Phương T, sinh năm 1990 và Lương Quốc T, sinh năm 1992. Các con đã trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Lương Tấn Y không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Tô Thị D và bị đơn ông Lương Tấn Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T (nay là huyện P), tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Lương Thị Phương T, sinh năm 1990 và Lương Quốc T, sinh năm 1992 nhưng các con đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Tô Thị D được ly hôn với ông Lương Tấn Y.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Tô Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0000203, ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa